



chà jìn

差劲

adjective · poor, bad, lousy

Example Sentences

Tā de biǎo xiàn tài chà jìn le
他的表现太差劲了。

His performance was really poor.

Zhè ge diàn yǐng hěn chà jìn wǒ bù tuī jiàn
这个电影很差劲，我不推荐。

This movie is lousy; I don't recommend it.

Trace each character, then write the word on your own.

差	差	差	差	差	差	差	差	差	差	差
差										

劲	劲	劲	劲	劲	劲	劲	劲	劲	劲
